

# MẪU CHỨNG TỪ KẾ TOÁN – HÀNG TỒN KHO

## BIỂU MẪU

### MẪU CHỨNG TỪ KẾ TOÁN – HÀNG TỒN KHO

**Bộ phận:** .....

**Mẫu số 01 – VT**  
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

# PHIẾU NHẬP KHO

Ngày ..... tháng ..... năm ...

Số: .....

No:.....

Có:.....

- Họ và tên người giao: .....

- Theo ..... số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....

Nhập tại kho: ..... Địa điểm .....

[illegible]

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): .....

- Số chứng từ gốc kèm theo .....

Ngày.....tháng.....năm 20..

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người giao hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Hoặc bộ phận  
có nhu cầu nhập)

(Ký, họ tên)

**Bộ phận:** .....

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày .... tháng ..... năm ....

Nợ:.....

Có:.....

- Họ và tên người nhận hàng: ..... Địa chỉ (bộ phận) .....
- Lý do xuất kho.....
- Xuất tại kho (ngăn lô): ..... Địa điểm .....

| S<br>T<br>T | Tên nhãn hiệu, quy cách<br>phẩm chất vật tư, dụng<br>cụ, sản phẩm, hàng hoá | Mã<br>số | Đơn<br>vị tính | Số lượng         |              | Đơn giá | Thành tiền |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------|----------------|------------------|--------------|---------|------------|
|             |                                                                             |          |                | Theo<br>chứng từ | Thực<br>xuất |         |            |
| A           | B                                                                           | C        | D              | 1                | 2            | 3       | 4          |
|             |                                                                             |          |                |                  |              |         |            |
|             |                                                                             |          |                |                  |              |         |            |
|             |                                                                             |          |                |                  |              |         |            |
|             |                                                                             |          |                |                  |              |         |            |
|             |                                                                             |          |                |                  |              |         |            |
|             |                                                                             |          |                |                  |              |         |            |
|             |                                                                             |          |                |                  |              |         |            |
|             |                                                                             |          |                |                  |              |         |            |
|             |                                                                             |          |                |                  |              |         |            |
|             |                                                                             |          |                |                  |              |         |            |
|             | <b>Cộng</b>                                                                 |          |                |                  |              |         |            |

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): .....
- Số chứng từ gốc kèm theo .....

Ngày.....tháng.....năm 20..

**Người lập  
phiếu**  
*Ký, họ tên)*

**Người nhận**  
**hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Hoặc bộ phận có  
nhu cầu nhập)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

## PHỤ LỤC

Mẫu số: **01-1/GTGT**

(Ban hành kèm theo Thông tư

số 28/2011/TT-BTC ngày

28/02/2011 của Bộ Tài

### BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT ngày..... tháng..... năm.....)

[01] Kỳ tính thuế: tháng.....năm .....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: 

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: 

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

| STT                                                            | Hoá đơn, chứng từ bán ra |     |                            | Tên người mua | Mã số thuế người mua | Mặt hàng | Doanh số bán chưa có thuế | Thuế GTGT | Ghi chú |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------|-----|----------------------------|---------------|----------------------|----------|---------------------------|-----------|---------|
|                                                                | Ký hiệu                  | Số  | Ngày, tháng, năm phát hành |               |                      |          |                           |           |         |
| (1)                                                            | (2)                      | (3) | (4)                        | (5)           | (6)                  | (7)      | (8)                       | (9)       | (10)    |
| 1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT:                     |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
|                                                                |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
| Tổng                                                           |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
| 2. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:              |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
|                                                                |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
| Tổng                                                           |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
| 3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:              |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
|                                                                |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
| Tổng                                                           |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
| 4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:             |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
|                                                                |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
| Tổng                                                           |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
| 5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT: |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
|                                                                |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |
| Tổng                                                           |                          |     |                            |               |                      |          |                           |           |         |

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra (\*): .....

Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT (\*\*): .....

Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra (\*\*\*): .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày .....tháng .....năm .....

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**Ghi chú:**

(\*) Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra là tổng cộng số liệu tại cột 8 của dòng tổng của các chỉ tiêu 1, 2, 3, 4.

(\*\*) Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT là tổng cộng số liệu tại cột 8 của dòng tổng của các chỉ tiêu 2, 3, 4.

(\*\*\*) Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra là tổng cộng số liệu tại cột 9 của dòng tổng của các chỉ tiêu 2, 3, 4.

# BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO

(Dùng cho cơ sở kê khai khấu trừ thuế hàng tháng)

Tháng ..... Năm 20.....

Tên cơ sở kinh doanh: .....

Mã số: .....

Địa chỉ: .....

| TT         | Chứng từ |    |      | Tên người bán | Mã số thuế | Mặt hàng | Doanh số mua chưa có thuế | Thuế suất (%) | Thuế GTGT |
|------------|----------|----|------|---------------|------------|----------|---------------------------|---------------|-----------|
|            | Ký hiệu  | Số | Ngày |               |            |          |                           |               |           |
|            |          |    |      |               |            |          |                           |               |           |
|            |          |    |      |               |            |          |                           |               |           |
|            |          |    |      |               |            |          |                           |               |           |
|            |          |    |      |               |            |          |                           |               |           |
|            |          |    |      |               |            |          |                           |               |           |
| Tổng cộng: |          |    |      |               |            |          |                           |               |           |

Lập ngày: ...../...../20.....

**Người lập**  
(Họ tên, chữ ký)

**Kế toán trưởng**  
(Họ tên, chữ ký)

# BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

(Dùng cho cơ sở kê khai khấu trừ thuế hàng tháng)

Tháng ..... Năm.....  
Tên cơ sở kinh doanh:.....  
Địa chỉ:.....

Mã số :

| STT       | Chứng từ |    |      | Tên khách hàng | Mã số thuế | Mặt hàng | Doanh số bán chưa có thuế | Thuế suất | Thuế GTGT | Ghi chú |
|-----------|----------|----|------|----------------|------------|----------|---------------------------|-----------|-----------|---------|
|           | Ký hiệu  | Số | Ngày |                |            |          |                           |           |           |         |
|           |          |    |      |                |            |          |                           |           |           |         |
|           |          |    |      |                |            |          |                           |           |           |         |
| Tổng cộng |          |    |      |                |            |          |                           |           |           |         |

Lập ngày:.....

Người lập  
(Họ tên, chữ ký)

Kế toán trưởng  
(Họ tên, chữ ký)